

Số: **32** /QĐ-TSC

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Yêu cầu báo giá gói thầu mua sắm  
Công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa  
các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật**

### **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT**

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-ĐLĐK ngày 29/11/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quản lý và lựa chọn nhà cung cấp hàng hoá dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-ĐLĐK ngày 03/4/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hoá và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1018/QĐ-ĐLĐK ngày 05/11/2020 và Quyết định số 1026/QĐ-ĐLĐK ngày 09/11/2020 về việc giao nhiệm vụ cho PV Power TSC tổ chức triển khai công tác đại tu tổ máy số 2 NMNĐ Vũng Áng 1 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-ĐLĐK ngày 28/1/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP về việc Giao Kế hoạch chi phí hoạt động năm 2021 cho Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TSC ngày 17/8/2020 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc uỷ quyền;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-TSC ngày 12/4/2021 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc Phê duyệt Danh mục và dự toán mua sắm Công cụ dụng cụ (CCDC), thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-TSC ngày 13/4/2021 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc Phê duyệt thành lập Tổ chuyên gia lựa chọn nhà cung cấp gói thầu mua sắm CCDC, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-TSC ngày 13/4/2021 của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói thầu mua sắm CCDC, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm



2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG.YCBG ngày 16/4/2021 về việc xin phê duyệt Yêu cầu báo giá Gói thầu mua sắm Công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Yêu cầu báo giá Gói thầu mua sắm Công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, nội dung chi tiết tại đính kèm.

**Điều 2:** Giao Tổ chuyên gia làm đầu mối, phối hợp với các Phòng chức năng Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật triển khai công việc theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng chức năng Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật và Tổ chuyên gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- GD N.M.Tuấn (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCG (VTTH).

**Đính kèm:**

- Yêu cầu báo giá.



**Nguyễn Văn Tùng**



## BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Tên gói thầu:** Mua sắm Công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

**Phát hành ngày:** 22/4/2021

**Ban hành kèm theo Quyết định:** 32/QĐ-TSC ngày 20/4/2021

**Bên mời thầu:** Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Tùng**

# Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

## Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) cho gói thầu **mua sắm Công cụ dụng cụ (CCDC) phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật**. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu được nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
4. Thời gian giao hàng: Trong vòng 8 tuần kể từ ngày Hợp đồng hiệu lực.

## Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

## Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được

trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

#### **Mục 4. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III;
3. Các nội dung cần thiết khác:
  - Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.
  - Có giá dự thầu cố định, không chào thầu theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện.
  - Bảng kê Hàng hóa chào hàng phải ghi rõ theo các yêu cầu tại Chương II.

#### **Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ thời điểm đóng thầu.

#### **Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ:

*Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật*

*Tầng 4 - Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.*

*Số điện thoại: 0935.813.893*

*Email tiếp nhận báo giá: Havtt@tsc.pvpower.vn*

Thời điểm nộp không muộn hơn **10 giờ 00 ngày 29/4/2021**. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

**Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 01 bản chụp.**

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

## **Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Bản yêu cầu báo giá.
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.
3. Nộp bản sao công chứng/ chứng thực đăng ký kinh doanh

## **Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và/ hoặc được đăng tải trên website [www.pvpower.vn](http://www.pvpower.vn).
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 02 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

## **Mục 9. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

## Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

### Mục 1. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

#### 1. Yêu cầu chung đối với hàng hóa:

- Cung cấp đầy đủ hàng hóa đáp ứng các thông số và yêu cầu về kỹ thuật như Phụ lục 1.
- Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2019 trở đi;
- Cung cấp chứng chỉ chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất, chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (C/O) của Phòng Thương mại hoặc Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp và nhà thầu phải cung cấp giấy phép bán hàng (ủy quyền bán hàng) của nhà sản xuất tại thị trường Việt Nam đối với những hàng hóa có yêu cầu tại Phụ lục 1.

#### 2. Các yêu cầu khác

Hàng hóa do các nhà cung cấp/ nhà sản xuất cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn sau:

- Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Nhà thầu nêu rõ nhà sản xuất.
- Có nhãn mác, mã, thông số kỹ thuật rõ ràng.
- Hàng hóa phải được bảo quản theo tiêu chuẩn quy định của nhà sản xuất/TCVN.
- Có đầy đủ tài liệu mô tả kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, an toàn và bảo quản của nhà sản xuất. Tài liệu kỹ thuật, phải có đầy đủ tính pháp lý và được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh.
- Nhà thầu có quyền chào hàng hóa tương đương. Trong trường hợp nhà thầu đề xuất hàng hóa tương đương với hàng hóa yêu cầu cung cấp, nhà thầu phải chứng minh hàng hóa tương đương đáp ứng được yêu cầu về tính năng sử dụng, kết nối với các hệ thống liên quan, đính kèm các tài liệu kỹ thuật, bảng so sánh cụ thể tính tương đương (đặc tính kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn), phù hợp lắp đặt thực tế (chuẩn kết nối, kích thước phải phù hợp...).
- Ngoài ra, hàng hóa tương đương phải được sử dụng ít nhất 05 năm trên thị trường.

### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**

1	2	3	4	5		6	7
STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Xuất xứ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4X6)
1	Hàng hóa thứ 1						M1
2	Hàng hóa thứ 2						M2
	...						
3	Hàng hóa thứ n						Mn
	Tổng cộng giá chào của hàng hóa						M= M1+M2+..Mn
	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)						
	Tổng cộng						

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Giá chào đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng và các chi phí khác.

Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tách các nội dung cấu thành của giá chào như sau: thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.

## Chương IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

#### HỢP ĐỒNG

Số: /HĐ/PVPTSC – .../2021/HH

**Về việc: mua sắm Công cụ dụng cụ phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật**

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng của hai Bên,

Hôm nay, ngày            tháng            năm 2021, chúng tôi gồm:

#### **1. CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP –TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT**

**(sau đây gọi là Bên A)**

Địa chỉ                           : Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại                    : 0866 206 877

Mã số thuế                     : 0102276173-009

Đại diện                      : Ông ..... Chức vụ: .....

*Theo Quyết định ủy quyền số .....*

2. ....

**(sau đây gọi là Bên B)**

Địa chỉ                        :

Điện thoại                    :

Mã số thuế                     :

Đại diện                      :

Chức vụ:

Tài khoản :

Tại :

Sau khi trao đổi, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

### **ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT**

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

1.1 Hợp đồng: là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

1.2 Giá hợp đồng: là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.

1.3 Hàng hóa: là sản phẩm, tài liệu kỹ thuật kèm theo mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

1.4 Ngày: là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

1.5 Tuần: là 07 ngày.

1.6 YCBG: Yêu cầu Báo giá

1.7 BBG: Bản báo giá

1.8 VND: Đồng Việt Nam

### **ĐIỀU 2: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng:

2.1 Văn bản hợp đồng (kèm theo Danh mục hàng hóa và các Phụ lục khác);

2.2 Các điều khoản của Hợp đồng;

2.3 Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

2.4 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

2.5 Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **ĐIỀU 3: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ ĐẶC ĐIỂM HÀNG HÓA**

Bên A đồng ý mua và Bên B cam kết bán cho Bên A hàng hóa mới 100%, là sản phẩm chính hiệu của nhà sản xuất, với tên gọi, chủng loại, mô tả, số lượng, đặc tính kỹ thuật cụ thể được nêu rõ tại **Phụ lục 1** đính kèm Hợp Đồng này (sau đây gọi tắt là “Hàng Hóa”).

### **ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

4.1 Tổng giá trị hợp đồng là: ... (đã bao gồm VAT).

(Bằng chữ: ...).

*Chi tiết giá Hợp đồng tại **Phụ lục 1** đính kèm Hợp đồng này*

4.2 Giá trị hợp đồng tại Điều 4.1 trên đây sẽ không được thay đổi sau khi Hợp

Đồng đã được cả hai bên ký kết, trừ trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi dẫn đến thay đổi Giá trị hợp đồng, khi đó Giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

#### 4.3 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Giá chào đã bao gồm thuế GTGT, chi phí vận chuyển, lắp đặt, tài liệu hướng dẫn sử dụng và các chi phí khác mà Bên B phải chịu để giao Hàng Hóa cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng.

### **ĐIỀU 5: GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

5.1. Thông báo giao hàng: Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước một (01) ngày làm việc về thời gian dự tính Hàng Hóa sẽ sẵn sàng để có thể giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng.

5.2. Thời gian giao hàng: Trong vòng 8 tuần kể từ ngày Hợp đồng hiệu lực.

5.3. Địa điểm bàn giao hàng hóa: Văn phòng Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Tầng 4 - tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

5.4. Bên B sẽ phải đóng gói Hàng Hóa phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển Hàng Hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải đảm bảo Hàng Hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường

5.5. Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong Hợp Đồng này trước sự chứng kiến của đại diện của Bên A và Bên B. Ngay sau khi việc giao nhận hàng kết thúc, đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào biên bản giao nhận (được lập thành 02 bản gốc, mỗi Bên giữ 01 bản) về việc nhận đầy đủ hàng hóa như đã đề cập trong Điều 3 trên đây. Mọi vấn đề phát sinh có liên quan tới chất lượng và số lượng hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng sẽ được ghi vào biên bản giao nhận và sẽ được các Bên có liên quan cùng ký xác nhận để làm bằng chứng pháp lý giải quyết các tranh chấp (nếu có) sau này cùng với các văn bản liên quan khác như biên bản giám định hàng đồ vỡ, hàng thiếu (nếu có).

#### 5.6. Phạt giao chậm:

Giá trị Tuân trong tính phạt giao chậm được xác định bằng tổng số ngày giao chậm chia cho 07 ngày và làm tròn 02 chữ số sau dấu phẩy.

Trường hợp Hàng hóa được Nghiệm thu kỹ thuật sau ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng, Bên B sẽ bị phạt do giao hàng chậm với thời gian tính phạt giao hàng chậm kể từ ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng đến ngày Nghiệm thu kỹ thuật:

- Phạt 02% giá trị trước thuế phần giao chậm/tuần giao chậm. Số tiền phạt không quá 08% giá trị phần hàng hóa giao chậm trước thuế;
- Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ít nhất 02 tuần cho các Hàng hóa dự kiến giao muộn sau ngày cuối cùng phải giao

hàng theo quy định Hợp đồng. Trường hợp Bên B giao hàng chậm quá 02 tuần so với ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng thì Bên A có quyền có ý kiến về việc nhận hàng

5.6. Cung cấp tài liệu kỹ thuật: Bên B có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài liệu kỹ thuật từ nhà sản xuất gốc của hàng hóa cho đại diện của Bên A khi hai bên thực hiện giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng theo quy định.

## **ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC, HÌNH THỨC THANH TOÁN**

Phương thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam.

Thanh toán một lần. Giá trị thanh toán là tổng giá trị của các mục hàng thực tế được ghi nhận tại Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa.

Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ chứng từ thanh toán hoàn chỉnh.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

1. Một (01) bản gốc Hoá đơn Tài chính hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị hàng hóa được ghi nhận tại Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa có xác nhận của hai bên, thuế GTGT. Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau:
  - + Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.
  - + Địa chỉ: **Tầng 14**, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
  - + Mã số thuế: 0102276173-009;
2. Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/ chứng thực Giấy Chứng nhận Chất lượng của nhà sản xuất chứng nhận Hàng Hóa cung cấp cho Bên A theo Hợp Đồng này có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chế tạo sản xuất của nhà sản xuất (đối với các mục được quy định tại Phụ lục 1)
3. Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/ chứng thực Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng Hóa do Phòng Thương mại và Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp (đối với các mục được quy định tại Phụ lục 1).
4. Một (01) bản gốc Giấy Chứng nhận Bảo Hành của nhà sản xuất hoặc Bên B chứng nhận Hàng Hóa cung cấp theo Hợp đồng sẽ được bảo hành trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao cho Bên A theo Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa;
5. Một (01) bản gốc Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký xác nhận;
6. Một (01) bản gốc Bảo lãnh bảo hành vô điều kiện không hủy ngang, giá trị bảo lãnh là 5% giá trị hàng hóa, có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký

Biên bản Nghiệm thu Bàn giao Hàng hóa. Trong trường hợp Bảo lãnh bảo hành phát hành sau ngày ký Biên bản Nghiệm thu Bàn giao Hàng hóa thì Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành.

7. Một (01) bản gốc Biên bản Quyết toán và thanh lý hợp đồng.

#### **ĐIỀU 7: BẢN QUYỀN**

7.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

7.2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ phi tư vấn trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A

#### **ĐIỀU 8: DỊCH VỤ, BẢO HÀNH**

Sau khi cung cấp dịch vụ, Bên B phải chuyển giao, đào tạo cho người sử dụng hàng hóa của Bên A.

Trong thời gian bảo hành, Bên B có trách nhiệm sửa chữa, thay thế đối với các Hàng hóa bị hư hỏng, không sử dụng được. Hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được thay thế sẽ được bảo hành tiếp trong khoảng thời gian tương đương với thời hạn bảo hành quy định trong Hợp Đồng kể từ thời điểm thay thế

Nếu Bên B không khắc phục được hư hỏng hoặc không thay thế kịp thời hàng hóa trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp.

#### **ĐIỀU 9: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

9.1. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- a. Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng.
- b. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- c. Xảy ra sự kiện Bất khả kháng.
- d. Bên B bị phá sản, giải thể.

9.2. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng trong trường hợp Bên A bị phá sản, giải thể.

9.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a Điều 11.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm

bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Trường hợp Bên A không ký được hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt nêu trên thì Bên B phải chịu phạt không giao hàng cho phần hợp đồng không thực hiện với tỷ lệ phạt là 8% giá trị phần hợp đồng không thực hiện.

9.4. Trong trường hợp Bên A chấm dứt Hợp đồng theo điểm b Điều 11.1, Bên A không phải bồi thường các thiệt hại phát sinh của Bên B. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

#### **ĐIỀU 10: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

10.1. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

10.2. Không muộn hơn 07 ngày từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

10.3. Bên bị ảnh hưởng sẽ được miễn các trách nhiệm về phạt và bồi thường thiệt hại do không hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi bất khả kháng.

#### **ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

11.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

11.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

#### **ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

12.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp Đồng này đều phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng

12.2. Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

12.3. Phụ lục 1 và 2 kèm theo là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng với Phụ lục thì nội dung các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được ưu tiên thi hành.

12.4. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng này.

12.5. Hợp Đồng này được lập thành năm (06) bản chính và có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHỤ LỤC 1: PHẠM VỤ CUNG CẤP

Gói thầu mua sắm Công cụ dụng cụ, thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện năm 2021 của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	SLg	Yêu cầu khác			Đơn giá	Thành tiền
						C/O	C/Q	Ủy quyền bán hàng		
1	Máy đo nhiệt độ hồng ngoại 150.3040	Phạm vi làm việc: -20 °C - 500 °C Có thể chuyển đổi: °C / °F Màn hình LCD Vật liệu vỏ nhựa Pin khối 9V, công suất đầu ra tối đa: 1mW Hệ số phát thải: điều chỉnh thành 0,95 Chuyển đổi chế độ cho vùng quang phổ: 0,85 - 0,90 - 0,95 μm Thuộc tính hàm 1: tự động tắt Trọng lượng: 135g	Germany	Cái	2	X	X	X		
2	Máy đo nồng độ đa khí cầm tay	O: 0 ~ 1000ppm, H2S: 0 ~ 100 PPM, Oxy: 0 ~ 30%, Khí nổ dễ cháy (Ex / LEL / CH4): 0 ~ 100% LEL Quy cách: 300mm.	Taiwan	Cái	2					
3	Dao rà mặt phẳng	Tiêu chuẩn DIN 874/00. Được làm bằng thép hợp kim nên cứng chắc, không rỉ sét và mài mòn theo thời gian	Germany	Cái	2					
4	Thước căn lá 0.02-1 mm	Độ dày: 0.02-1 mm Dài: 200 mm	Asia	Cái	6					
5	Đế từ khớp thủy lực	Đường kính lỗ giữ đồng hồ : ø6mm, ø8mm, ø9.53mm Kích thước đế từ (WxD) : 30x36mm Lực từ: Xấp xỉ 300N	Japan	Cái	4	X	X	X		
6	Đế từ khớp thủy lực	Đường kính lỗ giữ đồng hồ: ø6mm, ø8mm, ø9.53mm Kích thước đế từ (WxD) : 50x60mm Lực từ: Xấp xỉ 600N	Japan	Cái	4	X	X	X		
7	Đế từ khớp thủy lực	Đường kính lỗ giữ đồng hồ : ø6mm, ø8mm, ø9.53mm Kích thước đế từ (WxD) : 50x50mm Lực từ: Xấp xỉ 600N	Japan	Cái	4	X	X	X		

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	SLg	Yêu cầu khác			Đơn giá	Thành tiền
						C/O	C/Q	Ủy quyền bán hàng		
8	Đồng hồ so 5mm/0,01mm	Dài đo : 0 – 5 mm Độ phân giải : 0.01 mm Độ chính xác : 13 μm Lực đo: 1.4N hoặc bé hơn Kiểu: Nắp lưng có móc cài Hệ đơn vị : met	Japan	Cái	4	X	X			
9	Đồng hồ so 10mm/0,01mm	Dài đo : 10mm Độ chia vạch : 0.01mm Vòng quay: 1mm Độ chính xác : 0.013mm Độ lặp lại: 0.003 mm Đường kính trục : Ø8mm Lực đo: 1.4N hoặc bé hơn	Japan	Cái	4	X	X			
10	Paume đo ngoài cơ khí 0-25mm	Phạm vi đo: 0-25 mm Độ chia: 0,01 mm Độ chính xác ± 2 μm	Japan	Cái	4	X	X			
11	Paume đo ngoài cơ khí 25-50mm	Phạm vi đo: 25-50 mm Độ chia: 0,01 mm Độ chính xác ± 2 μm	Japan	Cái	2	X	X			
12	Paume đo ngoài cơ khí 0-100mm	Phạm vi đo : 0 – 100mm Độ phân giải : 0.01mm Cấp bảo vệ : IP65 Dài đo được mở rộng với các đầu đo có thể thay đổi.	Japan	Cái	2	X	X			
13	Paume đo ngoài cơ khí 100-200mm	Phạm vi đo : 100 – 200mm Độ phân giải : 0.01mm Cấp bảo vệ : IP65 Dài đo được mở rộng với các đầu đo có thể thay đổi.	Japan	Cái	2	X	X			
14	Paume đo trong 25- 50mm	Phạm vi đo: 25-50mm Độ phân giải: 0,01mm Độ chính xác: ±5μm Khối lượng: 130g	Japan	Cái	2	X	X			

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	SLg	Yêu cầu khác			Đơn giá	Thành tiền
						C/O	C/Q	Ủy quyền bán hàng		
15	Panme đo trong dạng thanh nói 50-1000mm	Phạm vi đo: 50-1000mm Độ phân giải: 0,01mm Phần đầu Panme: 13mm Thanh nói dài: gồm 8 thanh với các kích cỡ: 13,25,50 (2pcs), 100, 200 (2pcs), 300mm Bộ hiển thị: 50-63mm Chống nước, chống bụi: IP65	Japan	Cái	2	X	X			
16	Bộ đo lỗ dạng đồng hồ 100-160mm	Phạm vi đo: 100-160mm Điểm tiếp xúc: 1,6mm Lực đo: 5N hoặc nhỏ hơn Lực dẫn: 10N hoặc nhỏ hơn Đồng hồ số: 511-704 Đồng hồ hiển thị: 2046SB (Độ phân giải: 0,01mm) Vỏ: 21DZA000 Đầu đo: 13 pcs Vòng đệm: 4 pcs Chiều sâu: 150mm	Japan	Cái	2	X	X			
17	Bộ đo lỗ dạng đồng hồ 160-250mm	Phạm vi đo: 160-250mm Điểm tiếp xúc: 1,6mm Lực đo: 6N hoặc nhỏ hơn Lực dẫn: 15N hoặc nhỏ hơn Đồng hồ số: 511-705 Đồng hồ hiển thị: 2046SB (Độ phân giải: 0,01mm) Vỏ: 21DZA000 Đầu đo: 6 pcs Vòng đệm: 7 pcs Chiều sâu: 250mm	Japan	Cái	2	X	X			
18	Thước cặp cơ khí	Kích thước đo: 0 đến 150 mm Sai số: 0,02 mm	Japan	Cái	4					

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	SLg	Yêu cầu khác			Đơn giá	Thành tiền
						C/O	C/Q	Ủy quyền bán hàng		
19	Thuốc cấp cơ khí 300.0515	Thang đo hệ mét: 300 mm / Sai số: 0.05 mm Thang đo hệ inch: 11 inch / Sai số: 1/128 inch Trọng lượng: 250 (g) Đạt tiêu chuẩn: DIN 862 Thuốc có ngăn kẹp chính đo ngoài, ngăn phụ đo bên trong Bọc túi và đựng trong hộp giấy cao cấp	Germany	Cái	4	X	X	X		
20	Dưỡng đo ren	Dài đo: 0,4 đến 7mm/ 4 đến 42 TPI Hệ: mét/inch Số lá: 52 lá	Japan	Cái	4					
21	Thuốc cuốn thép 300.0131	Bản rộng: 16 mm Có khóa cài và kẹp thắt lưng Độ chính xác đo theo độ chính xác EC II Dài đo: 3 m Trọng lượng: 150 (g)	Germany	Cái	6	X	X	X		
22	Ống nghe thợ máy	Thiết kế nhỏ gọn Dễ sử dụng, kiểu ống nghe bác sĩ Công dụng: kiểm tra độ ồn của động cơ	Taiwan	Cái	2					
23	Đèn pin TrustFire T70 hoặc tương đương	Công suất sáng: 2300 lumens Chống bụi chống nước	China	Cái	4					
24	Đèn pin Trustfire X8 hoặc tương đương	Công suất sáng: 1000 lumens	China	Cái	4					
25	Bút thử điện BT120900 hoặc tương đương	Bút thử điện dùng cho điện áp 100-500V Chiều dài 140mm	Taiwan	Cái	4					

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	SLg	Yêu cầu khác			Đơn giá	Thành tiền
						C/O	C/Q	Ủy quyền bán hàng		
26	Đồng hồ đo kỹ thuật số đa năng CA450 hoặc tương đương	<p>Chức năng cấp nguồn cho mạch vòng 24V</p> <p>Tích hợp điện trở giao thức Hart 250-Ohm, Chức năng mô phỏng cảm biến (SINK)</p> <p>Phát tín hiệu 4-20 mA</p> <p>Chức năng đo tín hiệu: điện áp DC/AC, đo dòng DC, điện trở, tần số, kiểm tra diode, liên mạch.</p> <p>Đạt chuẩn an toàn 600V CAT.IV, 1000V CAT.III</p> <p>Điện áp DC: 600 mV, 6 V, 60 V, 600 V, 1000 V; Độ chính xác: 0.09%+1 ở 6 V, 60 V, 600 V.</p> <p>Điện áp AC: 600 mV, 6 V, 60 V, 600 V, 1000 V; Độ chính xác: 0.5%+5 50/ 60 Hz.</p> <p>Dòng DC: 30 mA, 100 mA; Độ chính xác: 0.05%+2.</p> <p>Điện trở: 600Ω, 6 kΩ, 60 kΩ, 600 kΩ, 6 MΩ, 60 MΩ; Độ chính xác: 0.2%+1*1 ở 6 kΩ, 60 kΩ, 600 kΩ.</p>	Japan	Cái	2	X	X	X		
27	Đồng hồ vạn năng Fluke hoặc tương đương	<p>Đo điện áp AC/DC tới 1000V</p> <p>Đo dòng điện AC/DC tới 10A</p> <p>Đo điện trở tới 500 MΩ</p> <p>Đo tần số tới đa 1000 kHz</p>	China	Cái	2	X	X			
28	Ampe kim Kỹ thuật số Fluke hoặc tương đương	<p>Đo dòng điện chính xác dưới 40A.</p> <p>Độ phân giải cao 0,01A, độ chính xác cao 1,6%</p> <p>Cảm biến kẹp nhỏ phù hợp nơi nhỏ hẹp</p> <p>Màn hình đèn nền lớn đọc tốt trong môi trường tối.</p> <p>Đo dòng điện.</p> <p>Đo tần số dòng điện.</p> <p>Độ chính xác xuống 0,01A và 0,1V.</p> <p>Đo dòng điện AC / DC 1000A / 600A (319/317).</p> <p>Đo điện áp AC / DC 600V.</p> <p>Đo điện trở 4000Ω.</p>	China	Cái	2	X	X			

STT	Tên sản phẩm	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị	SLg	Yêu cầu khác			Đơn giá	Thành tiền
						C/O	C/Q	Ủy quyền bán hàng		
29	Tủ dụng cụ đồ nghề 207 chi tiết 7 ngăn Brilliant-tools	Ngăn đồ nghề thứ nhất gồm: 01 bộ cờ lê trong size từ 6 tới 22 mm và 01 bộ cờ lê trong miệng size từ 6 tới 22 mm Ngăn thứ 2 gồm 170 chi tiết đầu khâu tay vịn, đầu bít, đầu vít size 1/4 + 3/8 + 1/2 inch Ngăn đồ nghề thứ 3 gồm 13 món: 1 bộ 4 cây kim đa năng và 1 bộ tua vít đầu dẹt và đầu pake (pH)	Taiwan	Cái	1					
30	Tủ dụng cụ đồ nghề KC 3 nắng	Kính thước: 630x400x720 4 bánh chịu tải cao	Asia	Cái	1					
31	Máy đo độ rung	Gia tốc: 0.5 đến 199,9m/s <sup>2</sup> Máy đo độ rung cầm tay Vận tốc 0.5 đến 199,9mms-1 Biến thiên: 0.005 đến 1.999mm Hiện thị: Màn hình LCD Nguồn: 4 Pin AA Kích thước: 188 x 76 x 47mm Điều kiện hoạt động: 0 đến 50°C / <80% r.h. Khối lượng: 400g	Germany	Cái	2	X	X			
<b>TỔNG CỘNG</b>										
Thuế VAT (10%)										
<b>TỔNG CỘNG (ĐÃ BAO GỒM THUẾ VAT)</b>										